

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nông Thị T**, sinh năm 2000; HKTT: **Thôn X, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị**. Chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai**.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: **Thôn X, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ vào biên bản sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nông Thị T**, sinh năm 2000; HKTT: **Thôn X, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị**.

Chỗ ở hiện nay: **Thôn P, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai**.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: **Thôn X, xã K, huyện V, tỉnh Quảng Trị**.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nông Thị T** và anh **Nguyễn Quang H** thuận tình

ly hôn.

2. Về con chung:

Vợ chồng chị **Nông Thị T** và anh **Nguyễn Quang H** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 01/08/2019. Chị **Nông Thị T** và anh **Nguyễn Quang H** thống nhất giao cháu **Nguyễn Thị Tường V** cho anh **Nguyễn Quang H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị **Nông Thị T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp được giao nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị **Nông Thị Thúy t** chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000134 ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Hoàn trả lại cho chị **Nông Thị T** 150.000 đồng ứng án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Việt Trung

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).